

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06 tháng 11 năm 2018

*“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh
chấp về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Cường

2. Ông Ngô Xuân Dệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình – Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc: *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Mỹ H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 17 LTT, tổ 16, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng C**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 17 LTT, tổ 16, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018, bản tự khai ngày 16/7/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Mỹ H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 12/12/2005. Trong thời gian chung sống từ năm 2005 đến nay, từ những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình chồng, chúng tôi không phù hợp trong cách sống và suy nghĩ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nhiều trường hợp phát sinh mâu thuẫn gay gắt thì anh Nguyễn Hồng C đánh chị. Mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài cũng gây ảnh hưởng đến tâm lý và công việc của chị. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Nguyễn Hồng C nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hồng C.

Về con chung: Chị và Nguyễn Hồng C có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 27/9/2006 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/9/2014. Các cháu hiện đang chung sống với chị và anh C. Chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Trần Phương U và Nguyễn Minh K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh Nguyễn Hồng C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Nguyễn Hồng C không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Theo bản tự khai ngày 23/7/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Hồng C trình bày:

Anh và chị Trần Mỹ H tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2005 tại Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do tính cách của chị Trần Mỹ H và thái độ thiếu tôn trọng chồng và gia đình chồng nên vợ chồng có xảy ra cãi vã tuy nhiên vì các con anh vẫn bỏ qua và chấp nhận. Trong lúc cãi vã anh có lỡ tay đánh chị H, lần nghiêm trọng nhất là chị H ngã vào cạnh bàn, chấn thương xương sườn nhưng anh không cố ý đánh chị H đến mức thương tích trầm trọng như vậy; sau lần đó anh đã sửa chữa, thay đổi bản thân và không đánh chị H nữa. Bản thân anh nhận thấy anh vẫn còn tình cảm thương yêu đối với chị Trần Mỹ H và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H không trầm trọng đến mức phải ly hôn nên chị Trần Mỹ H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Mỹ H có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 27/9/2006 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/9/2014. Trong trường hợp ly hôn anh yêu cầu được nhận nuôi cả hai con chung, nếu không được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu chị Trần Mỹ H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Trần Mỹ H không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị Trần Mỹ H và bị đơn anh Nguyễn Hồng C chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mỹ H về yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng C; công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Hồng C và chị Trần Mỹ H về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Phương U cho chị Trần Mỹ H chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh K cho anh Nguyễn Hồng C chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trần Mỹ H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 12/12/2005. Hôn nhân của chị H và anh C tuân thủ theo Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn vợ chồng chị Trần Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hồng C đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn anh Nguyễn Hồng C cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử

Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C sinh sống nhưng không xác định được mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C đều thừa nhận giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã và anh C đánh chị H gây thương tích, nghiêm trọng nhất là chấn thương xương sườn. Tuy nhiên anh Nguyễn Hồng C không đồng ý ly hôn với chị Trần Mỹ H vì anh còn thương yêu chị H và các cháu Nguyễn Trần Phương U và cháu Nguyễn Minh K còn nhỏ cần sự chăm sóc của cha mẹ.

Hạnh phúc hôn nhân xây dựng trên cơ sở vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng trong mối quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh C thiếu sự tôn trọng, bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính cách, không còn sự cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, mâu thuẫn từ những vấn đề nhỏ làm rạn nứt tình cảm vợ chồng sâu sắc do đó mục đích xây dựng hôn nhân hạnh phúc không đạt được từ đó không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Nguyễn Hồng C.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Trần Mỹ H và Nguyễn Hồng C phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mỹ H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Hồng C.

Về con chung: Chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 27/9/2006 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/9/2014.

Tại phiên tòa chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C thống nhất giao cháu Nguyễn Trần Phương U cho chị Trần Mỹ H chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu U và giao cháu Nguyễn Minh K cho anh Nguyễn Hồng C chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét sự thỏa thuận này dựa theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần Phương U và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C về quyền nuôi con chung khi ly hôn trong phần quyết định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C đủ điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Phương U và Nguyễn Minh K nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Chị Trần Mỹ H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 246, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Áp dụng Điều 9, 10, 11, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Mỹ H

Chị Trần Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Hồng C

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Mỹ H và anh Nguyễn Hồng C:

Giao cháu Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 27/9/2006 cho chị Trần Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/9/2014 cho anh Nguyễn Hồng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Mỹ H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0003847 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Trần Mỹ H và bị đơn anh Nguyễn Hồng C được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- UBND phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 109 - quyền số 01 – ngày 12/12/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA